TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 30-3-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa và bà Lê Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2026/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1984; CCCD số: 040084038569

Địa chỉ: Thôn H Q, xã Q, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1987; CCCD số: 040187028934

Nơi ĐKHKTT: Thôn H Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh và chị Vũ Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q ngày 20/3/2013 nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống bình thường được một thời gian đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh và chị L không hợp nhau, hay cãi nhau, mặc dù gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Sau đó đến năm 2020 chị L về ngoại sinh sống rồi đi xuất khẩu lao động mà không thông báo cho anh và các con được biết. Sau khi chị L đi nước ngoài thì chị L cũng không quan tâm đến chồng con nữa. Nay anh M thấy không còn tình cảm gì với chị L nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị L.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Vũ A, sinh ngày 14/11/2014 và Nguyễn Vũ Thu S, sinh ngày 17/6/2016. Hiện tại các con chung đang ở với anh; ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Vũ Thị L vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Tòa án cũng đã gửi công văn cho Phòng Q – Công an tỉnh N thì được biết hiện nay: "Chị Vũ Thị L xuất cảnh khỏi Việt Nam ngày 18/9/2022 và hiện tại vẫn chưa về Việt Nam". Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn để nghị gia đình chị Vũ Thị L cung cấp thông tin, địa chỉ của chị L ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị L vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh bà Trịnh Thị L1 là mẹ đẻ của chị Vũ Thị L cho biết: Anh M và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q năm 2013 và có 02 con chung tên là Nguyễn Vũ A và Nguyễn Vũ Thu S. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau bình thường, nhưng đến năm 2020 thì thấy chị L đi nước ngoài làm ăn. Vợ chồng sau đó có mâu thuẫn như thế nào thì bà không được biết cụ thể. Chị L đi sang nước Cộng hòa Liên bang Đ từ năm 2022 và vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại messenger, zalo nhưng bà cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở bên Đức. Qua thông tin trao đổi, bà L1 cho biết chị L cũng nhất trí ly hôn với anh M và có nguyện vọng giao con chung cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản thì không có yêu cầu gì.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q: Anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị L có đăng ký kết hôn tại xã UBND xã Q, huyện Q. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống ở Q, Q, Nghệ An. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không nắm được, do không qua hòa giải tại cơ sở. Theo kiểm tra dữ liệu thì thấy anh M và chị L có 02 con chung là Nguyễn Vũ A, sinh ngày 14/11/2014 và Nguyễn Vũ Thu S, sinh ngày 17/6/2016, hiện tại anh M đang trực tiếp nuôi dưỡng

các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay anh M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Vũ Thị L; Giao con chung Nguyễn Vũ A, sinh ngày 14/11/2014 và Nguyễn Vũ Thu S, sinh ngày 17/6/2016 cho anh Nguyễn Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị L vì anh M không yêu cầu. Về tài sản: Anh M chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với chị Vũ Thị L, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trước khi xuất cảnh chị L có hộ khẩu thường trú tại thôn H Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được, kết quả xác minh tại Phòng Q Công an tỉnh N và lời trình bày của bà Trịnh Thị L1 là mẹ đẻ của chị Vũ Thị L thì có căn cứ xác định hiện nay chị L đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình. Chị L đã biết được việc anh Nguyễn Văn M làm đơn xin ly hôn đối với chị L tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An nhưng chị L không cung cấp địa chỉ và gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của chị L cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị cho Tòa án. Do đó, việc chị Vũ Thị L vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều

207 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025. Chị L đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; anh M có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị L có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa anh M và chị L là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, theo anh M do vợ chồng không hợp nhau không có tiếng nói chung, hay cãi nhau và không chia sẻ thông cảm với nhau, còn theo thông tin gia đình chị L cung cấp thì hai không biết có mâu thuẫn gì hay không nhưng đều thống nhất việc anh M chị L đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Anh M cương quyết ly hôn, chị L cũng không mong muốn đoàn tụ với nhau nữa, hai bên không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Nên thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên cần xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Vũ Thị L là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình .

[2.2] Về con chung: Anh M và chị L có 02 con chung là Nguyễn Vũ A, sinh ngày 14/11/2014 và Nguyễn Vũ Thu S, sinh ngày 17/6/2016. Từ khi anh M và chị L sống ly thân đến nay, các con chung đều ở với anh M khỏe mạnh, phát triển bình thường. Qua ý kiến bà L1 cho thấy chị L cũng thống nhất để con chung cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các con đều có nguyện vọng xin ở với mẹ. Hơn nữa, hiện nay chị L đang ở nước ngoài không thể thường xuyên, trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó cần giao cháu Nguyễn Vũ A và Nguyễn Vũ Thu S cho anh Nguyễn Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; điều kiện và nguyện vọng của các bên.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị L không có yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Anh M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn M.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Vũ Thị L.

2.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Vũ A, sinh ngày 14/11/2014 và Nguyễn Vũ Thu S, sinh ngày 17/6/2016 cho anh Nguyễn Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Vũ Thị L vì anh M không có yêu cầu.

Chị Vũ Thị L2 có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0000144 ngày 08/01/2026.

4.Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Vũ Thị L có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Sơn (xã Quỳnh Lâm cũ nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà